

PHỤ LỤC 01 – TỜ TRÌNH CỦA HĐQT GỬI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VSecurities

THEO DÕI SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIS)

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 29/06/2006 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;
- Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán;
- Quyết định 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán
- Các văn bản pháp luật có liên quan./.

Theo quy định tại Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Điều lệ mẫu), Điều lệ của các công ty khi thực hiện niêm yết tuân thủ theo Điều lệ mẫu.

Ngoài ra các Công ty chứng khoán còn phải tuân thủ một số quy định đặc thù nêu trong Quyết định 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

Để chuẩn bị cho quá trình niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, Ban Điều hành kính trình HĐQT việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIS, cụ thể tóm tắt các phần thay đổi như sau:

1. Tổng quan

Điều lệ mới bao gồm 21 chương, 67 Điều thay cho Điều lệ cũ gồm 15 Chương, 53 Điều

2. Nội dung thay đổi cơ bản

STT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do
1.	Định nghĩa các thuật ngữ	“ Người quản lý Công ty ” bao gồm thành viên HĐQT, TGD, KTT và các người quản lý do Điều lệ Công ty quy định.	“ Người quản lý Công ty ” bao gồm thành viên HĐQT, TGD, KTT và các chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
2.	Thời hạn hoạt động của Công ty	Mục 6 Điều 2 Trừ khi chấm dứt trước thời hạn, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Khi hết thời hạn hoạt động, Công ty có thể tiếp tục hoạt động sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông và việc đăng ký xin gia hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 60 tại Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.	
3.	Các quy định về kiểm soát nội bộ, bảo mật thông tin và Quy tắc đạo đức nghề nghiệp		Điều 8. Các quy định về kiểm soát nội bộ 8.1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ công ty. 8.2. Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ. 8.3. Định kỳ công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ. 8.4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.	Bổ sung theo Quyết định 27

			<p>Điều 9. Các quy định về bảo mật thông tin</p> <p>9.1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.</p> <p>9.2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; Khách hàng của công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ; Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; <p>Điều 10. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp</p> <p>10.1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.</p> <p>10.2. Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.</p> <p>10.3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên công ty.</p>	
4.	Sửa đổi mức Vốn Điều lệ ghi trong Điều lệ		<p>Khoản 12.5 Điều 12</p> <p>12.5. Sau khi đã thay đổi vốn Điều lệ, Công ty phải sửa đổi Điều 11.1 và Điều 11.2 của Điều lệ này phù hợp với mức vốn Điều lệ mới. Việc sửa đổi Điều 11.1 và Điều 11.2 do thay đổi mức vốn Điều lệ do Hội đồng Quản trị thực hiện mà không cần thông qua Đại hội đồng cổ đông.</p>	
5.	Danh sách và các quy định liên quan đến cổ đông sáng lập	Điều 12 Các cổ đông sáng lập	Bỏ hoàn toàn	Do hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập của

				VIS
6.	Chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác	Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông 1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 2. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; b) Tổng số cổ phần, loại cổ phần và số cổ phần được quyền chào bán; c) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là thể nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.	Điều 13. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông và chứng chỉ chứng khoán khác 13.1 Chứng chỉ cổ phiếu a) Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại mục g của Điều 13.1, Điều lệ này. b) Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. c) Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì. d) Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí. e) Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. f) Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo. g) Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

			<p>bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p> <p>13.2 Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>a) Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; ✓ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên, cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên, cổ đông là pháp nhân; ✓ Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần; ✓ Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; ✓ Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp <p>c) Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.</p> <p>d) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính và/hoặc tại Trung tâm Lưu ký.</p> <p>13.3 Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	
7.	Chuyển nhượng cổ phần	<p>Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn Điều lệ thực góp ban đầu của Công ty. Phần vốn góp ban đầu của cổ đông</p>	<p>Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>14.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với từng đợt phát hành cụ thể và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>sáng lập không được chuyển nhượng trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong công ty.</p> <p>2. Sau thời hạn ba năm, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện theo uỷ quyền của họ ký.</p>	<p>của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>14.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p>	
8. Quy định thu hồi cổ phần	Không quy định		<p>Điều 15. Thu hồi cổ phần</p> <p>15.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>15.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>15.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Điều 16.4, 16.0 và 16.0, và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

			<p>lệ này.</p> <p>15.4 Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>15.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>15.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
9.	Tỷ lệ của Nhóm cổ đông lớn	<p>Khoản 2 Điều 16</p> <p>Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên, có các quyền:</p>	<p>17.3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
10	Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	<p>Khoản 2 Điều 24</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ:</p> <p>a) Thảo luận và thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo kiểm toán, quyết toán tài chính;</p> <p>b) Thảo luận và thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;</p>	<p>Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>20.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>e) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>f) Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>g) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>20.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<ul style="list-style-type: none"> c) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; f) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong vi phạm số lượng cổ phần được quyền chào bán; h) Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm; i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; j) Kiểm tra và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; l) Quyết định tổng tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị; 	<ul style="list-style-type: none"> c) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; e) Lựa chọn công ty kiểm toán; f) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc ; g) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; h) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 12.5, Điều lệ này. i) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập; j) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; m) Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; n) Thông qua hợp đồng vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; o) Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; p) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; q) Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; r) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn 	
--	--	---	---	--

		<p>m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</p>	<p>hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>s) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>20.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Các hợp đồng quy định tại Điều 20.2, Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p> <p>20.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
11.	Các đại diện ủy quyền, thay đổi các quyền, Triệu tập họp ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ		<p>Điều 21. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>21.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>21.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>21.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

			<p>21.4. Trừ trường hợp quy định tại Điều 21.3, Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> <p>Điều 22. Thay đổi các quyền</p> <p>22.1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 20.2, Điều lệ này, liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>22.2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p> <p>22.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24 và Điều 26, Điều lệ này.</p> <p>22.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt</p>	
--	--	--	--	--

		<p>gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p> <p>Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>23.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản b và Khoản c, Điều 19.4, Điều lệ này.</p> <p>23.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. <p>23.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được gửi</p>	
--	--	---	--

			<p>phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p> <p>23.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 17.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>23.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 23.4, Điều lệ này trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng; c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua. d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <p>23.6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>23.7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	
--	--	--	--	--

12.	Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	<p>Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông¹</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 90 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 90 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng Cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể</p>	<p>Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>24.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>24.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>24.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>24.4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 23.3 của Điều lệ này.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
-----	--------------------------------------	---	--	--------------------------

¹ Sửa đổi theo Nghị quyết số 01/2009/NQ – ĐHĐCĐ ngày 28/04/2009

		<p>từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.</p> <p>2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.</p>		
13.	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 25. Kỳ họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam, trong thời hạn 4 tháng từ ngày kết thúc năm tài chính. Các Kiểm toán viên độc lập được mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để tư vấn việc thông qua các báo tài chính hàng năm.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>25.1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>25.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.</p> <p>25.3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo Quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo Kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn điều lệ bị giảm từ 50% trở lên;</p> <p>c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một phần hai (1/2) số thành viên qui định trong Điều lệ này;</p> <p>d) Có yêu cầu của một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này;</p> <p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;</p> <p>3. Các cổ đông có thể trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng văn bản và người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>25.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p> <p>25.5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>25.6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>25.7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 25.6, Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>25.8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>25.9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>25.10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông; b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. d) Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. <p>25.11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; c) Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. <p>25.12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>25.13. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng</p>	
--	--	--	---	--

			văn bản.	
14	Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Đại hội đồng cổ đông <i>có thể</i> quyết định các vấn đề sau bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <i>hoặc lấy ý kiến bằng văn bản</i> : a) Sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty; b) Thông qua định hướng phát triển Công ty; c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; f) Thông qua báo cáo tài chính	Điều 26. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 26.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả việc thông qua các quyết định về những vấn đề sau đây: a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b. Thông qua định hướng phát triển Công ty, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc ; d. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; e. Quyết định loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu từng loại được quyền chào bán; f. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; g. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất. 26.2. Trừ trường hợp quy định tại Điều 26.3, Điều lệ này các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. 26.3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

² Sửa đổi theo Nghị quyết số 01/2009/NQ – ĐHCĐ ngày 28/04/2009

		<p>hàng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ điều kiện sau đây:²</p> <p>a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>c) <i>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương</i></p>	<p>tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi có được số cổ đông đại diện từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	
--	--	--	--	--

		<p>ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p> <p>5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.</p>		
15.	<p>- Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại</p>	Chưa có quy định	<p>Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>27.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>27.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

	<p>hội đồng cổ đông</p>		<p>được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</p> <p>27.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty; <p>27.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>27.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; 	
--	--------------------------------	--	---	--

			<p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>g. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>27.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>27.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>27.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc</p>	
--	--	--	--	--

			<p>Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>29.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p> <p>29.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	
16.	Thành phần và nhiệm kỳ thành viên HĐQT	<p>Điều 29. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có ít nhất ba (03) thành viên, không quá mười một (11) thành viên và ít nhất phải có một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị thường trú tại Việt Nam.</p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ tiếp theo do Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước đó quyết định.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp có thành viên được</p>	<p>Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>30.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>30.2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>30.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</p> <p>30.4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Thành viên đó là đại diện phần vốn góp của cổ đông tổ chức và cổ đông tổ chức đó có quyết định bằng văn bản thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty.</p> <p>g. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>30.5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>30.6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
17.	Quyền hạn của HĐQT	<p>Khoản 2 Điều 28</p> <p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế</p>	<p>Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>31.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Quyết định chào bán cổ phần mới; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>c) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>d) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>e) <i>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</i></p> <p>f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, <i>Phó Tổng Giám đốc</i>³ các Giám đốc chi nhánh, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty trực thuộc, Giám</p>	<p>quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>31.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>31.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>i) Quyết định mức lương và lợi ích khác cũng như bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công</p>	
--	--	--	--	--

		<p>đốc đơn vị sự nghiệp;</p> <p>g) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>h) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>k) Quyết định Phương án phân phối lợi nhuận, chia lợi tức cổ phần và trích lập, sử dụng các Quỹ;</p> <p>l) Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh</p>	<p>việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>k) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p> <p>l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức (quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức,...); quyết định xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>m) Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể Công ty hoặc yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>n) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty đối với trường hợp mua lại không quá 10% tổng số cổ phần Công ty đã phát hành trong mỗi 12 tháng;</p> <p>o) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>q) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>r) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</p> <p>31.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b) Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c) Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p> <p>d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p>	
--	--	--	--	--

		<p>doanh;</p> <p>m) Phương hướng, nhiệm vụ và ngân sách tài chính cho năm tài chính mới;</p> <p>n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật</p>	<p>f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>31.5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>31.6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>31.7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>31.8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>31.9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo</p>	
--	--	---	--	--

			<p>quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>31.10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	
18.	Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	<p>Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Là cổ đông của Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc là người có kinh nghiệm chuyên môn trong kinh doanh chứng khoán và phải được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>32.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>32.2. Là cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính;</p> <p>32.3. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	Sửa đổi theo QĐ 27
19.	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. <i>Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT do HĐQT cử được thực hiện các quyền và nhiệm vụ</i></p>	<p>Điều 33. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>33.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p><i>quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thực hiện nhiệm vụ của mình.</i></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch, các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị thực hiện quản trị hoạt động của Công ty;</p> <p>b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Thay mặt Hội đồng quản trị tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông</p>	<p>33.2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị;</p> <p>b) Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Đại hội cổ đông do Trường Ban Kiểm soát triệu tập hoặc Đại hội được triệu tập theo qui định tại Khoản d, Điều 20.3, Điều lệ này;</p> <p>c) Chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Quản trị;</p> <p>e) Thay mặt Hội đồng Quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các văn bản đó;</p> <p>f) Quyết định và thực hiện các vấn đề được Hội đồng Quản trị ủy quyền;</p> <p>g) Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;</p> <p>h) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc huỷ bỏ các quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trái Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị;</p> <p>i) Ký văn bản uỷ quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;</p> <p>j) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả</p>	
--	--	---	--	--

		<p>bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;</p> <p>e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Thay mặt Hội đồng Quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>33.4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.</p>	
20.	Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	Chưa có quy định	<p>Điều 34. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế</p> <p>34.1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.</p> <p>34.2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

			<p>được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.</p> <p>34.3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.</p> <p>34.4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>34.5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.</p>	
21.	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Chưa có quy định	<p>Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>35.1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

			<p>người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>35.2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>35.3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b) Hai thành viên Hội đồng quản trị; c) Chủ tịch Hội đồng quản trị; d) Đa số thành viên Ban kiểm soát. <p>35.4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 35.3, Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 35.3, Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>35.5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>35.6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>35.7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải</p>	
--	--	--	---	--

			<p>được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>35.8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p>35.9. Biểu quyết.</p> <p>a) Trừ quy định tại Khoản b, Điều 35.9, Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại Khoản d, Điều 35.9, Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại</p>	
--	--	--	--	--

			<p>Khỏan a và Khỏan b, Điều 42.4 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>35.10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>35.11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>35.12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. c) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện. 	
--	--	--	---	--

			<p>d) Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>35.13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a) Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>35.14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 113, Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p> <p>35.15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu</p>	
--	--	--	---	--

			<p>trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>35.16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	
22.	Tổ chức bộ máy quản lý	Chưa có quy định	<p>Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc hoặc một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
23.	Cán bộ quản lý	Chưa có quy định	<p>Điều 37. Cán bộ quản lý</p> <p>37.1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>37.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc .</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
24.	Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền	<p>Điều 34. Tổng Giám đốc</p> <p>4. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày</p>	<p>Điều 38. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>38.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc phải có các tiêu</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

	<p>hạn của Tổng giám đốc</p>	<p>của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p>5. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng cấm quản lý doanh nghiệp quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>c) Có thâm niên công tác ít nhất 03 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc bảo hiểm;</p> <p>d) Không được làm giám đốc hoặc cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành</p>	<p>chuẩn và điều kiện như sau:</p> <p>a) Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>c) Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật chứng khoán;</p> <p>d) Có thâm niên công tác ít nhất là 03 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;</p> <p>e) Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;</p> <p>f) Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác;</p> <p>g) Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;</p> <p>38.2. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>38.3. Nhiệm kỳ. Theo Điều 33 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không</p>	
--	-------------------------------------	---	---	--

		<p>chứng khoán, trừ trường hợp làm đại diện cho Công ty tại các tổ chức phát hành nơi Công ty tham gia đầu tư hoặc góp vốn;</p> <p>e) Không được đồng thời làm việc cho hai hay nhiều Công ty chứng khoán;</p> <p>7. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>e) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của Công ty.</p> <p>f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức</p>	<p>đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p> <p>38.4. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p> <p>f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm</p>	
--	--	---	--	--

		<p>danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.</p> <p>h) Tuyển dụng lao động;</p> <p>i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>j) Quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch hoặ, hoả hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền để giải quyết tiếp</p> <p>k) Được hưởng chế độ lương thưởng theo thoả thuận trong hợp đồng lao động.</p> <p>l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 35. Bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc</p> <p>8. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ</p>	<p>cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.</p> <p>j) Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>38.5. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.</p> <p>38.6. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau :</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 38.1, Điều lệ này;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và quy định của pháp luật;</p> <p>38.7. Trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều 38.6, Điều lệ này, Hội đồng Quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc;</p> <p>38.8. Trường hợp Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị xem xét quyết định. Đơn đề nghị của Tổng Giám đốc phải gửi ít nhất trước sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc đề xuất được miễn nhiệm;</p> <p>38.9. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành</p>	
--	--	---	---	--

		<p>nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 0 của Điều lệ này làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>10. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng</p>	<p>viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	
--	--	---	--	--

		cổ đông gần nhất.		
25.	Thư ký Công ty	Chưa có quy định	<p>Điều 39. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; Làm biên bản các cuộc họp; Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
26.	Nhiệm vụ của thành viên HĐQT, BKS, TGD và cán bộ quản lý.	Chưa có quy định	<p>CHƯƠNG IX: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</p> <p>Điều 40. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty và thành viên Ban Kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao; Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu, cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty; Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; <p>Điều 41. Trách nhiệm quan trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

			<p>Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p> <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>42.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>42.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>42.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>42.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị</p>	
--	--	--	--	--

			<p>hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p> <p>42.5. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; 	
--	--	--	---	--

			<p>c. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.</p> <p>Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>43.1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra ngay cả khi thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm không còn đương nhiệm.</p> <p>43.2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
27.	Ban kiểm soát	<p>Điều 36. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có từ một đến ba thành viên; thành viên Ban kiểm</p>	<p>Điều 44. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>44.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên của Ban kiểm soát trong mỗi nhiệm kỳ.</p> <p>2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây :</p> <p>a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi,</p>	<p>tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>44.2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>44.3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>44.4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch công ty, của thành viên Hội đồng thành viên, của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và người quản lý khác;</p> <p>c) Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>d) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân</p>	
--	--	---	---	--

		<p>con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát quy định của Điều lệ này;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn xin từ chức.</p>	<p>hàng;</p> <p>e) Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;</p> <p>f) Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>44.5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 44.4, Điều lệ này</p> <p>b) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>e) Thành viên đó không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>f) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>g) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>h) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	
28.	Ban kiểm soát	<p>Điều 38. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát</p> <p>1. Kiểm tra công tác quản lý điều hành trong Công ty theo đúng pháp luật và Điều lệ;</p> <p>2. Kiểm soát nhằm mục đích bảo đảm quy trình thực hiện các hoạt động nghiệp vụ kinh doanh</p>	<p>Điều 45. Ban kiểm soát</p> <p>45.1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>b) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>theo đúng quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh chứng khoán; kiểm soát việc tuân thủ điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty;</p> <p>3. Giám sát việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh chứng khoán;</p> <p>4. Đánh giá mức độ bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh và kiến nghị các biện pháp nâng cao khả năng bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>5. Thực hiện chức năng kiểm soát nội bộ của Công ty;</p> <p>6. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, kiểm toán, nêu những kiến nghị về tình hình hoạt động của Công ty;</p> <p>7. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, kiểm toán do mình thực hiện;</p> <p>8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</p>	<p>liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>c) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>d) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>e) Kiểm tra thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này;</p> <p>g) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>h) Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty</p> <p>i) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>j) Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>k) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>l) Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>45.2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành</p>	
--	--	--	--	--

			<p>viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>45.3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.</p> <p>45.4. Tổng mức thù lao công việc cho các thành viên Ban kiểm soát mỗi năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
29.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Chưa có quy định	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p> <p>Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>46.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 30.2 và 44.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>46.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>46.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

			<p>bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>46.4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	
30.	Công nhân viên và công đoàn	Chưa có quy định	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 47. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu.
31.	Phân chia lợi nhuận	<p>Điều 46. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:</p> <p>a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100% mức vốn Điều lệ;</p> <p>b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 10% lợi nhuận ròng;</p> <p>c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;</p> <p>d) Các quỹ khác theo quy định</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 48. Điều khoản chia lợi nhuận</p> <p>Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.</p> <p>Điều 49. Cổ tức</p> <p>49.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>49.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>49.3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>của pháp luật.</p> <p>2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.</p>	<p>tới một loại cổ phiếu.</p> <p>49.4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p> <p>49.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p> <p>49.6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>49.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi</p>	
--	--	---	---	--

			<p>nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p> <p>Điều 50. Xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.</p> <p>Điều 51. Trích lập các quỹ theo Quy định</p> <p>51.1. Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ; Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ; Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Các quỹ khác theo quy định của pháp luật. <p>51.2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ quy định tại Điều 51.1, Điều lệ này thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 52. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</p> <p>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
32.	Quan hệ của công ty	<p>Chương XII. Quan hệ của Công ty</p> <p>Điều 48. Đối với Bộ Tài Chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p>1. Tuân thủ đầy đủ các quy định về hoạt động kinh doanh chứng khoán của Bộ Tài Chính, UBCKNN, Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng</p>	Bỏ	Theo Điều lệ mẫu

		<p>khoán.</p> <p>2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký trong quá trình hoạt động kinh doanh.</p> <p>3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, bất thường cho UBCKNN theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 49. Đối với cơ quan Nhà nước khác</p> <p>Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của cơ quan đó phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.</p>		
33.	Chế độ báo cáo và công bố thông tin	<p>Điều 47. Chế độ báo cáo và công bố thông tin</p> <p>1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.</p>	<p>CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p> <p>Điều 56. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>56.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 58 của Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật. Công ty thực hiện nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>56.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>2. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>56.3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>56.4. Việc công bố các báo cáo tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>56.5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> <p>Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	
	Kiểm toán	<p>Điều 45. Kiểm toán</p> <p>1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>2. Tổ chức kiểm toán độc lập tại khoản 1 Điều này phải hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY</p> <p>Điều 58. Kiểm toán</p> <p>58.1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>58.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>58.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

			<p>hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>58.4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>58.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	
34.	Con dấu		<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XVII: CON DẤU</p> <p>Điều 59. Con dấu</p> <p>59.1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>59.2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
35.	Chấm dứt hoạt động và thanh lý	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XIII</p> <p style="text-align: center;">TỔ TỤNG TRANH CHẤP, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 50. Tổ tụng tranh chấp</p> <p>1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp. Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền cho Tổng Giám đốc đại diện cho Công ty tham gia tố tụng và giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Công ty tôn trọng và chấp hành</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 60. Chấm dứt hoạt động</p> <p>60.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>60.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>60.3. Thủ tục, trình tự giải thể Công ty được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.</p> <p>Điều 61. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

		<p>các chế tài của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác.</p> <p>Điều 51. Chấm dứt hoạt động và thanh lý</p> <p>1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ này nhưng không xin gia hạn, hoặc xin gia hạn nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông biểu quyết giải thể Công ty, và Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ;</p> <p>c) Công ty bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Giấy phép kinh doanh chứng khoán;</p> <p>d) Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Hội đồng quản trị Công ty thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết</p>	<p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <p>61.1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>61.2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>61.3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p> <p>Điều 62. Phá sản</p> <p>Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 63. Thanh lý</p> <p>63.1 TỐI THIỂU sáu tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>63.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>63.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d) Các khoản vay (nếu có);</p>	
--	--	--	---	--

		<p>và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.</p> <p>3. Chi phí đảm bảo cho quá trình giải thể do Công ty đảm nhận.</p>	<p>e) Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	
36.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	Chưa có quy định	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p> <p>Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>64.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp</p> <p>c) Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>64.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>64.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu